

ĐỌC “LIÊN KÍ HIỆU”: *THƯ VIỆN BABEL* CỦA BORGES VÀ *CHUYỆN QUÁI ĐẢN TRONG THƯ VIỆN* CỦA MURAKAMI

Đào Thị Thu Hằng

Phòng Khoa học Công nghệ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Đọc liên kí hiệu để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm viết về thư viện của Murakami và Borges. Cách đọc này giúp cho việc tiếp cận văn bản mở rộng đến những vấn đề ẩn sâu trong kí hiệu mà hai nhà văn đã sử dụng một cách ý thức hoặc vô thức khi viết. Với liên kí hiệu, mọi kí hiệu hay văn bản đều là dạng viết lại của những kí hiệu đã được sử dụng trước đó. Đây là nguyên tắc bất dịch dịch cả trong quá trình sáng tác và tiếp nhận. Đọc liên kí hiệu chỉ ra rằng vai trò của người đọc cũng sẽ quan trọng như chính người sáng tạo trong việc tìm nghĩa của tác phẩm.

Từ khóa: Murakami, Borges, liên kí hiệu, nghĩa, giải cấu trúc.

1. Mở đầu

Trong “liên kí hiệu”, tính chủ quan của tự sự đã hoàn toàn rơi vào địa hạt “trì biệt” (Derrida) với những “luật chơi” (Wittgenstein) khó đoán định. “Tôi” cũng như câu chuyện của “tôi” (hoặc của người kể ngôi thứ ba) không được Borges lẫn Murakami đặt ra như một cá nhân, một người kể đầy quyền uy, mà được sử dụng như một “khoảng trống” để mở một (hoặc nhiều) cánh cửa hòng tạo cơ hội để trộn lẫn vô văn các kí hiệu và văn bản khác. Với liên kí hiệu, ranh giới giữa kí hiệu này và kí hiệu khác theo cách hiểu truyền thống (nơi những cái kết có hậu hoặc trên đường đến sự có hậu đã được định sẵn) và những mối dây dẫn dắt “nghĩa” và “ý nghĩa” giữa chúng hoàn toàn lỏng lẻo, thậm chí còn bị hoán chuyển. Bản thân các kí hiệu được “làm mới” và “tái khám phá” (có thể thông qua một hệ thống mã mới), ranh giới của chúng hoàn toàn dễ ngã và hầu như chưa có dấu hiệu kết thúc. Nhưng chính cái sự chưa có điểm dừng đó lại tạo nên một cấu trúc tổng thể thống nhất, giúp người đọc tìm được cách xác định những kí hiệu “rỗng” đó có nghĩa là gì.

Tính đến nay, đã có khá nhiều nghiên cứu về Murakami cũng như Borges và truyện ngắn của các ông [3], [6], [7], nhưng chưa có công trình nào trực tiếp đề cập đến lối tiếp cận “đọc liên kí hiệu”. Bài viết này hi vọng góp thêm tiếng nói, đề xuất một lối đọc Murakami và Borges.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong truyện ngắn đọc đáo *Thư viện Babel* (1941) của Jorge Luis Borges, nhà văn xem Vũ trụ là một thực thể tri thức, được gọi bằng cái tên Thư viện: “Cõi vũ trụ (cái mà người khác gọi là Thư viện) bao gồm một lượng vô hạn định, và có lẽ là bất tận các gian phòng hình lục giác. Ở trung tâm của mỗi gian phòng là một ống thông hơi, bao quanh bởi thanh rào ở tầm thấp. Từ bất kì hình lục giác nào người ta có thể thấy tầng trên và tầng dưới – cái này tiếp theo sau cái nọ,

Ngày nhận bài: 2/11/2020. Ngày sửa bài: 29/12/2020. Ngày nhận đăng: 10/1/2021.

Tác giả liên hệ: Đào Thị Thu Hằng. Địa chỉ e-mail: daothuhang@hnue.edu.vn

đến vô tận. Sự sắp đặt các gian phòng luôn là như nhau: Hai mươi kệ sách, năm cái mỗi bên, phủ đầy bốn trong số sáu cạnh của hình lục giác; chiều cao các kệ sách, từ sàn nhà đến trần nhà, khó có thể nào hơn chiều cao của một người thủ thư bình thường” [1]. Như đặc trưng lối viết mê lộ của Borges, Thư viện là nơi không được “xây dựng” bằng các vật liệu hoặc biến cố cụ thể, mà bằng những lớp sách xếp trên vô số các giá sách, trong vô số phòng và không cách gì có thể đọc đúng và đọc hết được. Thư viện biểu tượng cho trí tuệ mà nhân sinh hằng tích lũy được, là niềm kiêu hãnh đồng thời là cõi bi đát của con người. Con người tự hào về những tri thức mình xây dựng được thông qua một *vũ trụ tri thức*, đồng thời lại tỏ vẻ bất lực trước khối tri thức đó. Borges đã đặt một vấn đề mang tầm triết học và nhiều câu hỏi bỏ ngỏ trong kí hiệu Thư viện.

Cũng là chuyện “Thư viện”, nhưng Murakami lại xây dựng một Thư viện rất đổi tầm thường. Điều này giải thích lí do vì sao, Borges được xếp vào đội ngũ những nhà văn kinh điển, còn Murakami vẫn là nhà văn đại chúng. Có lẽ sau này, vị trí đó sẽ được thay đổi nhưng hiện tại người đọc có thói quen đọc một Murakami không giàu tính hàn lâm, theo kiểu Borges. Ngay từ đầu, Borges cố tình sáng tạo một mê lộ đầy trí tuệ, trong khi đó Murakami thì vẫn giữ cách tự sự truyền thống, tuy cũng là người kể “tôi” nhưng có khác là “tôi” đó chỉ là người đọc bình thường. Yếu tố huyền ảo, hỗn độn chỉ xảy ra khi “tôi” tham gia vào tiến trình đọc, có nghĩa anh ta tiếp cận thư viện với tư cách là một tín đồ của tri thức. Điểm này thì Murakami rất giống với Borges. Cả hai đều xem trọng tri thức. Cả hai đều dựng nên những mê lộ của tri thức. Một khi ai đó chấp nhận bước chân vào Thư viện, người đó sẽ sẵn sàng đón nhận cái mê lộ tri thức bất tận của loài người, nếu không đủ bản lĩnh để vượt qua thì vĩnh viễn anh ta sẽ bị giam cầm trong cái mê lộ đó, tự biến mình thành con một sách và ngây ngô tự hào về những kiến thức cao siêu nhưng rốt cuộc lại không biết dùng vào đâu.

Thế giới của Borges huyền ảo vì những vấn đề tri thức lớn lao được đặt ra mà con người chưa thể với tới, còn thế giới của Murakami huyền ảo vì nó vốn huyền ảo như thế. Có một “người cừu”, một cô gái câm, đúng hơn có thể là một ảo ảnh từ trí tưởng tượng của “tôi” và một ông lão thủ thư cứ muốn người đọc phải đọc thuộc những sách đã mượn. Mục đích của sự bắt buộc đó cũng vô cùng mơ hồ. Người đọc có thể hình dung ông lão là người tốt, muốn lớp trẻ có được tri thức cần thiết. Hiểu theo cách này thì “hình phạt” của ông lão dành cho người đọc chỉ là hành động tích cực. Nhưng do sống lâu cùng ông lão, người cừu khẳng định việc ép buộc đó có mục đích khác, vì nhiều người “bị hút não” sau khi đã đọc biết nhiều tri thức. Điều đó ẩn dụ cho việc tri thức bị lợi dụng trong bất kì tình huống nào bởi những kẻ xấu. Nếu đúng thế, thì ông lão là một kí hiệu hiện thân cho quỷ ác.

Để hình thành nên những mê lộ, Borges liệt kê theo lối nhân quả. Cách làm này khiến người đọc dễ bị đánh lừa (như cách ông lão thủ thư trong truyện Murakami lừa “tôi”) bởi càng đọc, người đọc càng bị cuốn vào vòng xoáy của vô số sự không thể hiểu hết: “Ở mỗi bức tường của mỗi phòng lục giác kê năm cái kệ sách; mỗi kệ sách chứa ba mươi hai cuốn sách có khổ tương tự nhau; mỗi cuốn sách chứa trong đó bốn trăm mười trang; mỗi trang, bốn mươi dòng; mỗi dòng; khoảng tám kí tự màu đen. Cũng có những kí tự nằm trên bìa trước của mỗi cuốn sách; những kí tự này không chỉ ra cũng như không cho biết những trang bên trong nói gì. Tôi nhận thức được rằng việc thiếu sự tương ứng đó đã từng tạo ra cảm giác bí ẩn đối với con người” [1]. Cách kể này về sau ảnh hưởng nhiều đến Gabriel Garcia Marquez. Mục đích của việc trưng ra các con số cụ thể là không nhằm để khiến sự việc cụ thể hơn mà cốt để khiến người đọc rối trí, chẳng nhớ nổi những cái được đưa ra cụ thể đó là gì. Nhưng hiệu quả của nó là giúp người đọc hiểu ngay rằng Vũ trụ tri thức luôn xa xăm huyền bí. Sự hiểu biết của con người chỉ là vô cùng nhỏ nhoi trước cái bao la khôn cùng kia. Thậm chí ta có thể nói, con người vẫn chưa biết chút gì về vũ trụ. Cũng vẫn là lập luận của Borges: “Đầu tiên: *Thư viện hiện hữu ab aeternitate* [từ thuở vô định]. Chân lí đó, mà hệ quả của nó chính là tương lai vĩnh hằng của nhân gian, không một đầu óc duy lí nào có thể nghi ngờ. Con người, một thủ thư bất toàn, có thể là sản phẩm của một sự may rủi hoặc là của một hoá công có tà tâm; vũ trụ, với

những món đồ đạc tao nhã – những kệ sách, những cuốn sách huyền bí, những cầu thang không hề dứt dành cho du khách, và những phòng vệ sinh cho người thủ thư – chỉ có thể là tạo tác thủ công của một vị thần [...]. Thứ nhì: Có hai mươi lăm kí hiệu chính tả. Khám phá này cho phép nhân loại, vào ba trăm năm trước, trình bày rõ ràng một lí thuyết tổng quát về Thư viện và từ đó giải quyết thoả mãn được câu đố mà không sự phỏng đoán nào có thể giải ra – cái bản chất vô hình dạng và hỗn độn của hầu hết mọi cuốn sách” [1].

Cư dân của cái Thư viện - Vũ trụ đó, như có lúc Borges gọi là các “thủ thư”, và định nghĩa với vẻ hoài nghi: “Con người, một thủ thư bất toàn” chỉ làm mỗi việc là chú mục lí giải sách, việc này dẫn tới chỗ vừa có thể thấy họ là đám vô tích sự lại cũng vừa là những người có khả năng lí giải căn nguyên huyền bí của tồn tại. Thế nhưng, việc tìm ra bí ẩn của kí tự, của sách, thư viện hay của vũ trụ bí ẩn quả là không dễ. Borges miêu tả các cung bậc cảm xúc khi các cư dân – thủ thư miệt mài với công việc đó: “Khi mọi người được thông báo rằng Thư viện chứa tất cả các sách, phản ứng đầu tiên là một niềm vui vô bờ bến. Mọi người tự mình cảm thấy rằng họ là chủ nhân sở hữu của một kho báu còn nguyên vẹn và bí ẩn. Không có một vấn đề cá nhân nào, không có vấn đề của thế gian, mà giải pháp mang tính hùng biện của nó vốn không tồn tại ở một chỗ nào đó trong một gian phòng lục giác nào đó. Cõi vũ trụ đã được thanh minh; cõi vũ trụ bất chợt trở nên đồng dạng với những kích thước vô hạn của niềm hi vọng” [1]. Trong số những “thủ thư” nuôi hi vọng về khả năng chiếm lĩnh tri thức của vũ trụ, “tôi” là người cũng có nhiều lạc quan, hi vọng: “Như toàn bộ mọi người của Thư viện, vào những ngày trai trẻ của mình tôi cũng đi chu du đây đó; tôi làm một chuyến đi nhằm truy tìm một cuốn sách, có lẽ là một cuốn danh bạ về những danh bạ [...]. Tôi tuyên bố rằng Thư viện là vô tận [...]. Thư viện là một quả cầu mà vị trí trung tâm đích xác của nó là bất kì hình lục giác nào và các đường tròn của nó là thứ không thể vượt tới được” [1]. Có thể hình dung Vũ trụ được định hình qua các tri thức của con người. Và các tri thức đó được ghi lại bằng những kí hiệu. Nhờ hệ thống kí hiệu này mà vũ trụ được hiện hình, để hiểu các kí hiệu đó, cần phải có tri thức liên kí hiệu. Còn đây là thái cực khác của vấn đề: “Theo lẽ tự nhiên thì tinh thần lạc quan thái quá được tiếp theo sau bởi sự suy sụp tinh thần quá mức. Điều chắc chắn rằng một kệ sách nào đó tại một gian phòng lục giác nào đó có chứa những cuốn sách giá trị, tuy vậy những cuốn sách quý giá đó mãi mãi nằm ngoài tầm với, và gần như là không thể kham nổi” [1]. Như thế, Vũ trụ có luôn là huyền bí đối với mọi khả năng tri nhận?

Vậy thì giải pháp nào sẽ dành cho tình huống đó, người kẻ đề xuất: “Tôi sẽ đủ can đảm đề nghị giải pháp này cho vấn đề cổ xưa: *Thư viện là vô hạn nhưng có chu kì*. Nếu một kẻ lữ hành bất diệt nên làm chuyến hành trình theo bất kì hướng nào, anh ta sẽ tìm thấy sau những thế kỉ dài đằng đẳng rằng những quyển sách như nhau được lặp lại theo cùng một sự vô trật tự – mà sẽ trở thành trật tự: đáng Trật tự. Nỗi cô đơn của tôi được an ủi nhờ vào niềm hi vọng tao nhã kia” [1]. Bản chất của Vũ trụ là hỗn độn, bất trật tự. Và nó sẽ vẫn mãi là như thế nếu con người không đưa nó vào một “trật tự” bằng cách kí hiệu được nó, tạo ra nghĩa cho nó.

Với Borges, không có sự đe dọa từ bất kì con người nào trong Thư viện. Con người tự đầy dọa mình hoặc biến mình thành “kẻ khác” là do chính cái việc chiếm lĩnh tri thức theo lối ẩn dụ của tháp Babel. Theo *Cựu ước*, Tháp Babel, trong *Sách sáng thế*, là một ngọn tháp cao lớn được dựng ở Babylon (tiếng Do Thái: Babel), do một nhóm người hậu duệ của thế hệ sau Đại hồng thủy, nói cùng một thứ ngôn ngữ, đảm nhận. Những con người đó quyết định rằng thành phố của họ phải có một tòa tháp lớn đến mức “đỉnh của nó chạm đến thiên đường”. Hành động xây dựng tháp được xem như là nỗ lực của con người để cạnh tranh với Thiên Chúa. Đây là dấu hiệu của sự kiêu ngạo, xuất phát từ sự tự tin quá mức của giống người. Thiên Chúa không hài lòng và đã dạy cho họ bài học bằng cách gây ra một sự xáo trộn bất đồng tiếng nói. Do tháp càng lên cao, họ không thể thường xuyên giao tiếp được với nhau, nên tiếng nói của họ ngày càng khác biệt. Kết quả là vì không thể giao tiếp và không thể hiểu được nhau, nên những người thợ xây đã từ bỏ tháp và phân tán thành nhiều dân tộc có ngôn ngữ khác nhau trên trái đất... Sự xa lạ

của con người trước đồng loại, theo cách nhìn này là do dục vọng ngông cuồng của chính họ. Với *Thư viện Babel*, dường như Borges muốn đối thoại việc xây tháp đó và cũng dường như ông lại cảnh báo con người ngày càng xa lạ với đồng loại hơn khi xây dựng cho mình một cái tháp tri thức khoa học cao hơn.

Thực tế thì Con người – thủ thư của Borges còn chịu áp lực bởi khối lượng tri thức rợn ngợp của thư viện trước khả năng hữu hạn của bản thân. Nhưng có lẽ Murakami nhại lại mọi điều tôn kính mà Borges dày công xây dựng, Thủ thư của Murakami là một con ngáo ộp thực sự, tay cầm roi và sẵn sàng giáng xuống. “Người cừ” và bất kể ai mê sách là nạn nhân của ông lão. Dưới sự áp bức thường xuyên của ông lão quái kì, “người cừ” trở thành ẩn dụ của những con người nô lệ: sợ hãi và nhất nhất tuân theo lệnh ông lão. Ta có thể xem kí hiệu “người cừ” như là hiện thân của sự ngu dốt, sự cam chịu, nên việc bị thống trị bởi người có học là Thủ thư là điều đương nhiên.

Qua các lớp nghĩa được phân tích trên, ta thấy được nguyên tắc của “cơ chế tương tác” trong trò chơi ngữ nghĩa của chính một nhà văn hay giữa các nhà văn khi xử lí cùng một vấn đề, vốn mang tính liên kí hiệu từ gốc. Điều đó giúp người đọc xác định các cấp độ cấu trúc khác nhau của một tác phẩm dựa trên cơ sở của các khả năng giải mã. “Mã” của Borges hay của Murakami đều là những mã trí tuệ và cùng thuộc dạng “đa mã”. Ứng với những mã này sẽ có nhiều cách kiến giải và thỏa thuận nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, với mã “thư viện” thì “Thủ thư” là người bảo quản và cho mượn sách, nhưng với mã “quyền lực” thì “Thủ thư” là người ban phát quyền, với mã “tri thức” thì “Thủ thư” là người nắm giữ trí tuệ... Khi liên kí hiệu giữa văn bản của hai nhà văn, người đọc sẽ thấy danh từ này mang thêm nhiều nghĩa khác. Borges có một kiểu Thủ thư. Murakami có một kiểu Thủ thư (và có bao nhiêu người đọc sẽ có bấy nhiêu Thủ thư). Điểm chung giữa các Thủ thư này là những vấn đề thuộc về tri thức và quyền lực, cũng như những mặt trái của tri thức lẫn quyền lực. Từ đó, “Thủ thư” sẽ kéo theo các cung bậc cảm xúc và cả thế giới quan của con người. Đọc liên kí hiệu, vì thế là con đường nhanh nhất để nhân tri thức của cá thân lên gấp bội phần.

Cơ chế tạo nghĩa và việc xây dựng kết cấu “nghĩa” theo cách liên kí hiệu đó sẽ khu biệt việc tiếp nhận đến những ranh giới nghĩa nhất định. Liên kí hiệu làm cho kiểu văn chương gần gũi với các nền văn hóa quy phạm vốn không loại trừ tư cách đặc tuyển của tác giả, chấp nhận sự hiện diện của người đọc và các kí hiệu gốc, để hướng đến các mô hình, mẫu gốc và các tầng bậc ngữ nghĩa đã có trong kí hiệu, hấp dẫn ý chí chủ quan của cả người sáng tạo lẫn người đọc. Ngay đến chủ nghĩa lãng mạn hay chủ nghĩa hiện thực, ngôn ngữ văn chương cũng chỉ là ngôn ngữ tập quán, kiểu ngôn ngữ đã được phong cách hóa mang trong nó một hình ảnh thế giới đã được xác lập, nên đã ngăn cản cái nhìn cá biệt trực tiếp về hiện thực, gây khó cho việc tri nhận, sáng tạo và thậm chí là tiếp nhận nghệ thuật một cách linh hoạt.

Liên kí hiệu còn mang trong nó một sứ mệnh cao cả: không chỉ là nền tảng của việc tiếp nhận văn chương hay văn hóa nghệ thuật nói chung mà còn là giải cấu trúc các nguyên tắc độc quyền hay tính trung tâm luận của bất cứ một tác phẩm văn học nào. Nhờ có liên kí hiệu mà đầu thế kỉ 20, nhiều nhà nghiên cứu (trong đó có R. Barthes) đã đề xuất khái niệm “Cái chết của tác giả”. Mệnh đề này được hiểu theo nhiều cấp độ: Có thể là vai trò độc tôn của tác giả trong quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học đã chấm dứt, hoặc sự biến tác giả thành một chức năng của tác phẩm để định hướng đọc hoặc, tại những điểm giao cắt và biến đổi của các mã văn hóa qua việc kí hiệu hóa hiện thực, để đưa tác phẩm lẫn người đọc lên vị trí trung tâm của quá trình tiếp nhận...

Liên kí hiệu phi thứ bậc hóa các quan hệ kí hiệu, ở sự phủ nhận các mô hình mẫu chuẩn và quy phạm nghiêm ngặt, ở sự xóa bỏ ranh giới giữa các kí hiệu và ở sự tiếp nhận mọi kí hiệu như là bộ phận của một kí hiệu lớn hơn, độc lập với việc tác giả có ý thức tuân thủ hoặc đề xuất một hình mẫu. Việc đưa vào tác phẩm các kí hiệu hay diễn ngôn phi văn học, và cùng với các diễn

ngôn đó là các lĩnh vực đời sống được miêu tả theo cách càng xa hiện thực và giảm thiểu tối đa quyền lực của tác giả càng tốt là đặc trưng cho cảm quan nghệ thuật của văn chương hậu hiện đại thế kỷ XX.

Đến đây ta thấy rõ hơn rằng, các quan hệ nghĩa thuộc phạm vi “đối thoại” của Nhóm Bakhtin (gồm Voloshinov, Medvedev và Bakhtin) là *quan hệ ngữ nghĩa gắn với chủ thể đối thoại mạch lạc*. Với liên kí hiệu, nghĩa được hình thành chủ yếu do sự biến đổi mã văn hóa khi chuyển từ hệ thống kí hiệu này sang hệ thống kí hiệu khác, tức là việc hình thành nghĩa diễn ra nhờ quá trình liên kết mã văn hóa qua các khâu trung gian để lựa chọn nghĩa phù hợp với ngữ cảnh như cách Pierce đề xuất. Sự thể hiện tư tưởng và nghĩa ở Nhóm Bakhtin được thay bằng “tri biệt” hay “tính năng sản của viết” ở Derrida, với sự chia tách tối đa và không ngừng của cái được biểu đạt và cái biểu đạt vốn là hai mặt không thể tách rời của một kí hiệu theo quan điểm vô cùng lỗi thời của Saussure. Trật tự lớp lang về nghĩa của kí hiệu từ Nhóm Bakhtin, sang thời hậu hiện đại, đã nhường chỗ cho trò chơi hỗn độn của kí hiệu, cho sự tương đối hóa nghĩa, cho trạng thái bất định và phi trật tự. Đối thoại của Nhóm Bakhtin đã được chuyển đổi cách thức thể hiện. Tuy vẫn giữ *lại tính không thoái kiết nghĩa trong phát ngôn*, nhưng các nhà tư tưởng hậu hiện đại đã đặt nó vào tiến trình của vô vàn mâu thuẫn tất yếu của văn bản, kể cả việc tiếp nhận thông qua *đọc sai* (với chủ ý của tác giả ban đầu). Nhờ liên tục hướng đến những cái được biểu đạt mà các nhà giải cấu trúc - liên kí hiệu đã khiến đối thoại chuyển thành sự “không mạch lạc”, sự hỗn độn giữa “Ta” và “Khác”, giữa văn bản và văn cảnh, tâm thức và ý thức, giữa các kiểu diễn ngôn, nhân vật, tác giả và thậm chí là cả độc giả...

Truyện của Borges hầu như là vắng mặt các cô gái. Đây là kiểu truyện tiết chế tính dục ở tầm cao của một tu sĩ đạt đạo, không vương nhiễm bụi trần. Trong khi đó, ở Murakami hầu như lúc nào cũng thấy hình bóng liễu yếu đào tơ. Phụ nữ tác động lớn đến hành vi và suy nghĩ của cánh mày râu trong tác phẩm của nhà văn Nhật. Truyện của Murakami vì thế mang tính đại chúng, phàm trần nhiều hơn. Và đương nhiên sẽ dễ đọc hơn khi so với truyện của Borges. Nhưng điều này không có nghĩa là văn chương Murakami thuộc loại xoàng. Phải thừa nhận, Murakami có nhiều tác phẩm viết vội với văn phong chịu ảnh hưởng nhiều từ các nhà văn phương tây, nhưng ở những tác phẩm thành công, chẳng hạn *Rừng Nauy*, *Biên niên kí chim vặn dây cót*, *Con voi biển mất*, *Vườn cỏ buổi chiều cuối cùng*, *Con khỉ Shinagawa*,... thì chúng có thể đứng vào hàng ngũ của những kiệt tác văn chương mọi thời của nhân loại.

Douglas McGray gọi Murakami là “Soái ca Quốc nội” (Gross National Cool) mới nổi của Nhật Bản. “Nghĩa là, vào thời điểm nào đó sau khi bong bóng kinh tế vỡ vào cuối thập niên 1980, Nhật Bản bắt đầu chuyển từ nước sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghệ (Honda Civic và Sony Walkman) thành nước sản xuất và xuất khẩu vốn văn hóa. Khi quyền thống trị công nghiệp suy giảm, họ cũng đã ít nhiều thành công trong việc tự mình tái đầu tư với tư cách người sở hữu và thực thi quyền lực mềm và vốn văn hóa để cạnh tranh với bá quyền toàn cầu của Mỹ trong ý niệm văn hóa đại chúng” [3].

Xét từ góc độ này thì truyện kể của Murakami đã tạo nên một cuộc cạnh tranh sòng phẳng và quyết liệt đối với truyện kể phương tây, vốn trước đó được xem là chuẩn mực của truyện kể hiện đại. Dễ thấy rõ điều này trong ý thức vừa bắt chước vừa nhại các tác giả lớn trong truyện kể của Murakami. Vốn không phải là nhà văn hài hước, những chịu tác động từ nhãn quan “nhại”, nên giọng kể của Murakami ở nhiều tác phẩm đã bộc lộ tính hài hước. Ngay từ chính hai cái nhan đề trong hai tác phẩm ta cũng đã thấy rõ đặc điểm này. Với Borges, đó là sự nghiêm cần vì cái thư viện Borges đang nói đến vừa là biểu tượng cho khát vọng vượt thoát sự thống trị của một Đấng tối cao, mặt khác vừa là Thánh tích của Thiên chúa giáo vì tội bất kính của con người. Trong khi đó, Murakami tương ngay cái khái niệm hoàn toàn mang tính hạ bộ “quái đản”. Nhan đề *Thư viện Babel*, vốn kể chuyện “trên trời”, hầu như không có sự tương phản trong nghĩa của “thư viện” và của “Babel”. Ngược lại “Thư viện” (với ý nghiêm cần là nơi lưu

giữ tri thức, cơ sở để con người tự tôn,...) rõ là trái nghĩa với “quái đản”. Thế giới “thư viện” của Murakami là “thư viện” “dưới đất” đầy ắp những con người quái dị, kể từ ông thủ thư đến “người cừu”, cô gái câm và phần nào đó là có cả chính “tôi”. Nhưng cái thế giới ấy của Murakami lại có vẻ thật hơn thế giới “thư viện” của Borges. Cùng viết về một đề tài, nhưng với những nhãn quan khác nhau, nhà văn có thể tái hiện những thế giới khác nhau. Nó cho thấy bất cứ thái độ nghiêm túc hay giễu nhại nào trước cuộc đời thì cũng đều có giá trị nhất định. Cuộc đời vốn thế. Sẽ không có phán quyết cuối cùng nào về cái vũ trụ nhân sinh bất tận này, cũng như về các phong cách tự sự và cả về nhãn quan nghệ thuật đối với cuộc đời.

Murakami cũng như Borges, đều chịu ảnh hưởng từ Kafka. Rõ ràng Murakami mắc nợ lớn hơn đối với Kafka. Trong câu chuyện về thư viện của mình, Murakami xây dựng Thủ thư thành một quyền lực, với một ngọn roi trong tay, sẵn sàng vụt xuống đầu của bất kì ai trái lời. Đặc biệt là cái lời hù dọa, “dưới tầng hầm này còn có tầng hầm sâu hơn mà còn kinh khiếp hơn nữa kia” [2,195] lại mang đặc sệt giọng *Trước của pháp luật* của Kafka. Thêm nữa, Murakami còn cấu trúc truyện mình theo lối một giấc mơ. Bầu không khí ma mị bàng lảng thực hư với một cô gái tuyệt đẹp bị câm vừa hiện hữu vừa không hiện hữu, một người cừu vì khoác bộ da cừu nhưng hành động thì lại tuyệt đối giống cừu trước Thủ thư man rợ. Kể cả “tôi”, tuy đến đây chỉ để đọc sách một cách ngẫu nhiên (hoàn toàn khác với sự chủ đích hành động từ nhân vật của Borges), nhưng rồi vì sự căm nê và sự phục thù trước uy lực, nên đã biến mình thành một gã nô lệ thương tâm. Cái cách Thủ thư đưa “tôi” vào trông hết như cách của bất kì một gã chính khách lêu lẻo nào đó dùng miệng lưỡi hư ngụy, lẫn vũ lực trắng trợn lừa bịp dân chúng. Như thế, một lần nữa chuyện của Murakami rất bám sát đời. Tuy cách kể không có được sự nghiêm cẩn cao siêu của Borges, nhưng tính triết luận trong hình tượng, giọng kể cũng đâu có thua kém gì. Đọc liên kí hiệu giữa Murakami với Borges và cả Kafka,... người đọc sẽ đón nhận được nhiều lớp nghĩa trong các kí hiệu ngôn từ.

3. Kết luận

Vấn đề được đặt ra ở đây là liệu kí hiệu của Murakami có phải là dạng kí hiệu viết chồng lên (palimpsest) các kí hiệu của Borges? Nếu người đọc đếm tỉ mỉ từng từ trong hai văn bản thì số lượng chữ liên quan “thư viện” (chẳng hạn *sách, thủ thư, phòng đọc,...*) của Murakami sẽ trùng khoảng một phần ba với câu chuyện của Borges. Sự trùng lặp này không có nghĩa là Murakami đạo văn Borges. Và càng không phải những kí hiệu đó là do Borges tự nghĩ ra mà chúng đã tồn tại ở đó, từ trước và Borges chỉ việc sử dụng lại kí hiệu và cả cách sử dụng kí hiệu đó. Đây chính là bản chất của liên kí hiệu. Nhờ đó mà ngôn ngữ được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cả sáng tạo văn chương cũng vậy. “Viết lại” là nguyên tắc bất di dịch của sáng tạo nghệ thuật dù nhà văn có ý thức tuân thủ hay không. Tuy nhiên, cái được gọi là cá tính sáng tạo thì vẫn sẽ luôn đòi hỏi ở người cầm bút một thao tác thẩm mĩ cá biệt trên những kí hiệu đã trở nên quen thuộc. Và việc chỉ ra được nét đặc thù của từng phong cách trong đọc đòi hỏi phải có một sự nghiên cứu, đối sánh sâu rộng hơn.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 602.04-2020.307.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jorge Luis Borges, *Thư viện Babel*, Duy Đoàn dịch từ bản tiếng Anh của Andrew Hurley. <https://chiecnon.wordpress.com/2011/11/14/jorge-luis-borges-thu-vien-babel/>
- [2] Haruki Murakami, 2006. *Ngày đẹp trời để xem Kangaroo*, Phạm Vũ Thịnh dịch. Nxb Đà Nẵng.

- [3] Stephen Snyder, 2017. "The Murakami Effect: On the Homogenizing Dangers of Easily Translated Literature", *Literary Hub*, Vol. 37, No. 4, January 4, <https://lithub.com/the-murakami-effect/>
- [4] Lê Huy Bắc, 2020. *Kí hiệu và Liên kí hiệu*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Jane Ciabattari (Tuệ Đan dịch), 2018. *Borges có phải là nhà văn đình đám nhất thế kỉ XX. Tạp chí Sông Hương*, nguồn: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c7/n26355/Borges-co-phai-la-nha-van-dinh-dam-nhat-the-ky-XX.html>
- [6] Đào Thị Thu Hằng, 2015. "Truyền thống và hậu hiện đại trong truyện ngắn Murakami Haruki". *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 12, tr.94-105.
- [7] Jane Ciabattari (Tuệ Đan dịch), 2018. "Borges có phải là nhà văn đình đám nhất của thế kỉ XX?". *Tạp chí sông Hương*, nguồn: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c7/n26355/Borges-co-phai-la-nha-van-dinh-dam-nhat-the-ky-XX.html>

ABSTRACT

Read the intersignality: *The Library of Babel* by Borges and *The strange Library* by Murakami

Dao Thi Thu Hang

Office for Science and Technology Management, Hanoi National University of Education

Reading by the intersignality theory for the similarities and differences between Murakami and Borges's "Library" works. This reading helps to extend the approach of the texts to the hidden problems in the signs that the two writers have used consciously or unconsciously when writing. With intersignalities, every sign or text is a rewriting of the signs that have been used before. This is the immutable principle of both in the process of composing and receiving. Reading of the intersignality indicates that the role of the reader will be as important as the creator himself in finding the meanings of the works.

Keywords: Murakami, Borges, Intersignality, meaning, deconstructivism.